

Số: 1577/2015/QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 07 tháng 7 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc quy định quản lý nhà nước về giá
trên địa bàn thành phố Hải Phòng**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Giá ngày 20/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/8/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá về thẩm định giá;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 38/2014/TT-BTC ngày 28/3/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/8/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá về thẩm định giá;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐND ngày 20/7/2012 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc phân cấp quản lý tài sản nhà nước tại cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hải Phòng;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 71/TT-STC ngày 29/6/2015 về việc ban hành quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn thành phố Hải Phòng, Báo cáo tiếp thu, giải trình số 56/STC-GCS ngày 29/6/2015; của Sở Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số 19/BCTĐ-STP ngày 26/6/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định việc phân công nhiệm vụ các cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện quản lý nhà nước về giá trên địa bàn thành phố Hải Phòng như sau:

1. Phân công nhiệm vụ thông báo danh sách tổ chức, cá nhân đăng ký giá, kê khai giá.

1.1. Sở Tài chính: Thông báo danh sách tổ chức sản xuất, kinh doanh thuộc đối tượng đăng ký giá, kê khai giá (trừ giá thuốc phòng bệnh, chữa bệnh cho người) trên địa bàn thành phố. Định kỳ vào ngày 01/7 hàng năm hoặc theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân thành phố, chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thuế thành phố và các Sở, ngành có liên quan rà soát, thông báo điều chỉnh, bổ sung danh sách tổ chức đăng ký giá, kê khai giá tại địa phương.

1.2. Sở Y tế: Thông báo danh sách tổ chức, cá nhân phải đăng ký giá, kê khai giá đối với mặt hàng thuốc phòng bệnh, chữa bệnh thiết yếu theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

1.3. Ủy ban nhân dân cấp huyện: Thông báo danh sách cá nhân sản xuất, kinh doanh các loại hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng đăng ký giá, kê khai giá (trừ giá thuốc phòng bệnh, chữa bệnh cho người) trên địa bàn. Định kỳ vào ngày 01/7 hàng năm hoặc theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân thành phố rà soát, thông báo điều chỉnh, bổ sung danh sách cá nhân đăng ký giá tại địa phương.

2. Phân công nhiệm vụ tiếp nhận, rà soát biểu mẫu đăng ký giá ở địa phương, tổng hợp đối tượng đăng ký giá.

2.1. Sở Tài chính: Tiếp nhận, rà soát biểu mẫu của tổ chức sản xuất, kinh doanh các loại hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng đăng ký giá theo quy trình tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá quy định tại Điều 6 Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính. Công bố công khai trên phương tiện thông tin đại chúng phục vụ mục tiêu bình ổn giá, kiểm tra giá, thanh tra giá.

2.2. Sở Y tế: Tiếp nhận, rà soát biểu mẫu của tổ chức, cá nhân thực hiện đăng ký giá mặt hàng thuốc phòng bệnh, chữa bệnh cho người thuộc danh mục thuốc chữa bệnh thiết yếu theo hướng dẫn của Bộ Y tế. Công bố công khai trên phương tiện thông tin đại chúng phục vụ mục tiêu bình ổn giá, kiểm tra giá, thanh tra giá.

2.3. Ủy ban nhân dân cấp huyện: Tiếp nhận, rà soát biểu mẫu của cá nhân sản xuất, kinh doanh các loại hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng đăng ký giá theo quy trình tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá quy định tại Điều 6 Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính. Công bố công khai trên phương tiện thông tin đại chúng phục vụ mục tiêu bình ổn giá, kiểm tra giá, thanh tra giá.

3. Danh mục hàng hóa, dịch vụ phải kê khai giá.

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực hiện kê khai giá đối với các loại hàng hóa, dịch vụ qui định tại Khoản 1 Điều 15 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ, cụ thể:

a) Hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá quy định tại Điều 3 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ trong thời gian Nhà nước không áp dụng biện pháp đăng ký giá;

b) Xi măng, thép xây dựng;

c) Than;

d) Thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm và thủy sản; thuốc tiêu độc, sát trùng, tẩy trùng, trị bệnh cho gia súc, gia cầm và thủy sản;

e) Giấy in, viết (dạng cuộn), giấy in báo sản xuất trong nước;

f) Giá dịch vụ cảng biển, giá dịch vụ hàng không tại cảng hàng không sân bay;

g) Cước vận chuyên hành khách bằng đường sắt loại ghế ngồi cứng;

h) Sách giáo khoa;

i) Giá vé máy bay trên các đường bay nội địa không thuộc danh mục Nhà nước quy định khung giá;

k) Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh cho người tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân, chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước;

l) Cước vận tải hành khách cố định bằng đường bộ; cước vận tải hành khách bằng taxi;

m) Thực phẩm chức năng cho trẻ em dưới 06 tháng tuổi theo quy định của Bộ Y tế;

n) Hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

4. Phân công nhiệm vụ tiếp nhận, rà soát văn bản kê khai giá, tổng hợp đối tượng kê khai giá.

4.1. Sở Tài chính: Tiếp nhận, rà soát văn bản của tổ chức sản xuất, kinh doanh các loại hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng kê khai giá theo quy trình tiếp nhận, rà soát văn bản kê khai giá quy định tại Điều 16 Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính. Công bố công khai trên phương tiện thông tin đại chúng phục vụ mục tiêu bình ổn giá, kiểm tra giá, thanh tra giá.

4.2. Sở Y tế: Tiếp nhận, rà soát văn bản của tổ chức, cá nhân thực hiện kê khai giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh cho người tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân; khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước; thuốc phòng bệnh, chữa bệnh cho người thuộc danh mục thuốc chữa bệnh thiết yếu theo hướng dẫn của Bộ Y tế. Công bố công khai trên phương tiện thông tin đại chúng phục vụ mục tiêu bình ổn giá, kiểm tra, thanh tra giá.

4.3. Ủy ban nhân dân cấp huyện: Tiếp nhận, rà soát văn bản của cá nhân sản xuất, kinh doanh các loại hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng kê khai giá theo quy trình tiếp nhận, rà soát văn bản giá quy định tại Điều 16 Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính. Công bố công khai trên phương tiện thông tin đại chúng phục vụ mục tiêu bình ổn giá, kiểm tra, thanh tra giá.

5. Phân công nhiệm vụ các Sở, ngành xây dựng, thẩm định phương án giá đối với các loại giá thuộc thẩm quyền quy định của Ủy ban nhân dân thành phố.

5.1. Trách nhiệm xây dựng phương án giá.

a) Sở Tài nguyên và Môi trường: Bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố; bảng giá đất điều chỉnh; giá đất cụ thể theo quy định của Luật Đất đai;

b) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Giá rừng bao gồm rừng sản xuất, rừng phòng hộ và rừng đặc dụng thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước làm đại diện chủ sở hữu; giá sản phẩm, dịch vụ công ích, dịch vụ sự nghiệp công và hàng hóa, dịch vụ được thành phố đặt hàng, giao kế hoạch sản xuất, kinh doanh sử dụng Ngân sách nhà nước theo chuyên ngành; giá nước sạch sinh hoạt nông thôn;

c) Sở Xây dựng: Giá cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở công vụ được đầu tư xây dựng từ ngân sách nhà nước; giá bán hoặc giá cho thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước theo quy định của pháp luật về nhà ở; giá cho thuê tài sản nhà nước là công trình kết cấu hạ tầng đầu tư từ ngân sách địa phương; giá sản phẩm, dịch vụ công ích, dịch vụ sự nghiệp công và hàng hóa, dịch vụ được thành phố đặt hàng, giao kế hoạch sản xuất, kinh doanh sử dụng ngân sách nhà nước theo chuyên ngành; giá dịch vụ thoát nước; giá nước sạch sinh hoạt đô thị;

d) Sở Giáo dục và Đào tạo: Giá dịch vụ giáo dục, đào tạo áp dụng đối với các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông công lập thuộc phạm vi quản lý của địa phương;

e) Sở Y tế: Giá dịch vụ khám, chữa bệnh đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương;

f) Sở Công thương: Mức trợ giá, trợ cước vận chuyển hàng hóa thuộc danh mục được trợ giá, trợ cước vận chuyển chi từ nguồn vốn ngân sách nhà nước; mức giá hoặc khung giá bán lẻ hàng hóa được trợ giá, trợ cước vận chuyển; giá cước vận chuyển cung ứng hàng hóa dịch vụ thiết yếu thuộc danh mục được trợ giá phục vụ đồng bào vùng sâu, vùng xa, hải đảo;

g) Sở Giao thông vận tải: Giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô; giá sản phẩm, dịch vụ công ích, dịch vụ sự nghiệp công và hàng hóa, dịch vụ được thành phố đặt hàng, giao kế hoạch sản xuất, kinh doanh sử dụng ngân sách nhà nước theo chuyên ngành.

5.2. Trách nhiệm thẩm định.

a) Sở Tài chính: Thẩm định phương án giá do các Sở, ngành xây dựng trước khi trình Ủy ban nhân dân thành phố quy định;

b) Hội đồng thẩm định giá đất thành phố: Thẩm định bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố; bảng giá đất điều chỉnh; giá đất cụ thể theo quy định của Luật Đất đai trước khi trình Ủy ban nhân dân thành phố quy định.

5.3. Thời hạn thẩm định phương án giá và thời hạn quyết định giá thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 9 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ; riêng đối với trường hợp thẩm định bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố, bảng giá đất điều chỉnh, giá đất cụ thể thực hiện theo Quyết định số 2291/QĐ-UBND ngày 28/10/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng thẩm định giá đất thành phố.

5.4. Sau khi có ý kiến thẩm định phương án giá, các Sở, ngành hoàn thiện hồ sơ trình Ủy ban nhân dân thành phố theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật trừ quy định về giá đất cụ thể.

6. Phân công nhiệm vụ thực hiện thẩm định giá tài sản nhà nước tại địa phương

6.1. Các trường hợp phải thực hiện thẩm định giá nhà nước.

a) Các trường hợp quy định tại Điều 44 Luật Giá;

b) Các trường hợp mua, bán, thanh lý, thuê, cho thuê tài sản nhà nước có giá trị từ 100 triệu đồng/lần trở lên, sau khi các cơ quan, đơn vị đã thuê tổ chức thẩm định giá theo quy định của pháp luật về thẩm định giá, phải có ý kiến thẩm định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

6.2. Cơ quan thực hiện thẩm định giá tài sản nhà nước tại địa phương.

a) Sở Tài chính thông báo thẩm định giá tài sản nhà nước quy định tại Khoản 1 Điều 7 Quyết định này đối với tài sản nhà nước từ nguồn ngân sách thành phố;

b) Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện thông báo thẩm định giá tài sản nhà nước quy định tại Điểm b Khoản 6.1 Điều 6 Quyết định này đối với tài sản nhà nước từ nguồn ngân sách cấp huyện.

6.3. Thời gian thẩm định giá và thông báo kết quả thẩm định giá tối đa là 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ của cơ quan, đơn vị (hồ sơ thẩm định giá tài sản quy định tại Khoản 2 Điều 23 Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/8/2013 của Chính phủ). Trường hợp đối với những tài sản có đặc điểm kinh tế - kỹ thuật chuyên ngành đặc biệt, không bán rộng rãi trên thị trường thì thời gian thẩm định không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ của cơ quan, đơn vị.

Điều 2. Giao Sở Tài chính kiểm tra, hướng dẫn việc thực hiện Quyết định này.

Các nội dung khác không quy định tại Quyết định này thực hiện theo quy định tại Luật Giá và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, Thủ trưởng các Sở, ngành và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá);
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản);
- TT TU, TTHĐND TP;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Như Điều 3;
- Công thông tin điện tử TP;
- Báo HP, Báo ANHP, Đài PTTH HP;
- CPVP;
- CV : TC;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đan Đức Hiệp